

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **35** /2018/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày **03** tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ và bổ sung một số danh mục Đơn giá bồi thường các loại nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mả, tàu thuyền, máy móc thiết bị, nông cụ, ngư cụ, cây cối, hoa màu và nuôi trồng thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C ...
	Ngày: ... 03/10/2018 ...

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 2167/SXD-KT&VLXD ngày 26/9/2018; Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 407/BC-STP ngày 24/9/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ, bổ sung, một số danh mục đơn giá của Phụ lục 02 bộ Đơn giá bồi thường các loại nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mả, tàu thuyền, máy móc thiết bị, nông cụ, ngư cụ, cây cối, hoa màu và nuôi trồng thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Cụ thể như sau:

1. Bãi bỏ các danh mục đơn giá bồi thường 2.1, 2.3, 2.4 tại mục 2 phần III phụ lục 02, bao gồm:

TT	Chủng loại, quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
2.1	- Lưới chông (tay dài 10m)	Tay	2.000.000
2.3	- Lưới tư (chiết tư) dài 400m-500m	Vàng	5.000.000
2.4	- Lưới hai (chiết hai) dài 400m-500m	Vàng	3.000.000

2. Bổ sung danh mục đơn giá bồi thường đối với các loại ngư lưới cụ vào Phụ lục 02 của Bộ đơn giá như biểu sau:

TT	Chủng loại, quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
PHẦN A: NGƯ LƯỚI CỤ			
I	NHÓM LƯỚI RÊ (Phân loại theo kích thước mắt lưới 2a)		
1	2a = 10 đến < 15mm (Lưới A1); đối tượng đánh bắt: cá đục, cá chai, cá thèn, cá lưỡng...		
1.1	Chiều cao từ 7 đến < 10m;	md	16.800
1.2	Chiều cao từ 4 đến < 7m;	md	14.300
1.3	Chiều cao từ 1,5 đến < 4m;	md	11.900
2	2a = 15 đến < 25mm (Lưới A2); đối tượng đánh bắt: cá đánh bắt cá trích, cá lẹp...		
2.1	Chiều cao từ 16 đến < 20m;	md	23.700
2.2	Chiều cao từ 13 đến < 16m;	md	21.000
2.3	Chiều cao từ 10 đến < 13m;	md	18.400
2.4	Chiều cao từ 7 đến < 10m;	md	15.600
2.5	Chiều cao từ 4 đến < 7m;	md	13.100
2.6	Chiều cao từ 1,5 đến < 4m;	md	10.300
3	2a = 25 đến < 35mm (Lưới A3); đối tượng đánh bắt: cá đánh bắt cá bạc má, cá hổ...		
3.1	Chiều cao từ 10 đến < 13m;	md	15.200
3.2	Chiều cao từ 7 đến < 10m;	md	13.300
3.3	Chiều cao từ 4 đến < 7m;	md	11.300
3.4	Chiều cao từ 1,5 đến < 4m;	md	10.300
4	2a = 35 đến < 45mm (Lưới A4); đối tượng đánh bắt: cá đánh bắt cá ngừ, cá bạc má...		
4.1	Chiều cao từ 10 đến < 13m;	md	13.900
4.2	Chiều cao từ 7 đến < 10m;	md	12.200
4.3	Chiều cao từ 4 đến < 7m;	md	11.100
4.4	Chiều cao từ 1,5 đến < 4m;	md	10.000
5	2a = 45 đến < 55mm (Lưới A5); đối tượng đánh bắt: cá chai, cá bon...		
5.1	Chiều cao từ 10 đến < 13m;	md	13.200
5.2	Chiều cao từ 7 đến < 10m;	md	11.500
5.3	Chiều cao từ 4 đến < 7m;	md	10.700
5.4	Chiều cao từ 1,5 đến < 4m;	md	9.800
6	2a = 55 đến < 95mm (Lưới A6 -A9); đối tượng đánh bắt: cá ngừ, cá bạc má, cá hổ...		
6.1	Chiều cao từ 10 đến < 13m;	md	12.700
6.2	Chiều cao từ 7 đến < 10m;	md	11.100

TT	Chủng loại, quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
6.3	Chiều cao từ 4 đến < 7m;	md	10.300
6.4	Chiều cao từ 1,5 đến < 4m;	md	9.600
7	2a = 95 đến < 125mm (Lưới A10 - A12); đối tượng đánh bắt: cá đánh bắt cá đuối, cá chim...		
7.1	Chiều cao từ 16 đến < 20m;	md	16.600
7.2	Chiều cao từ 13 đến < 16m;	md	14.800
7.3	Chiều cao từ 10 đến < 13m;	md	12.600
7.4	Chiều cao từ 7 đến < 10m;	md	12.100
	Đối với loại lưới khai thác ghẹ có cùng nhóm kích thước mắt lưới và độ cao thì nhân hệ số k = 0,7		
	Đối với loại lưới khai thác mực (rê ba lớp) có cùng nhóm kích thước mắt lưới và độ cao thì nhân hệ số k = 1,6		
II	NHÓM LƯỚI GIÃ KÉO CÁ		
1	Đối với nhóm tàu công suất từ 30 CV đến < 60 CV		35.000.000
1.1	Vàng lưới	Vàng	8.000.000
1.2	Ván lưới	Bộ	8.000.000
1.3	Dây kéo bằng cáp hoặc bã (mỗi bộ dây lưới kéo gồm 2 dây. Chiều dài mỗi dây dài 200m - 250m.	Bộ	12.000.000
1.4	Tời thu lưới (nếu có)	Chiếc	7.000.000
2	Đối với nhóm tàu công suất từ 60 CV đến < 90 CV		45.000.000
2.1	Vàng lưới	Vàng	12.000.000
2.2	Ván lưới	Bộ	10.000.000
2.3	Dây kéo bằng cáp hoặc bã (mỗi bộ dây lưới kéo gồm 2 dây. Chiều dài mỗi dây dài 200m - 300m.	Bộ	13.000.000
2.4	Tời thu lưới (nếu có)	Chiếc	10.000.000
III	Mành rút ánh sáng:		
1	Miếng lưới x chiều cao x chiều dài (45m đến 55m) x (25m đến 35m) x (8m đến 15m)	Vàng	50.000.000
2	Miếng lưới x chiều cao x chiều dài (30m đến 45m) x (15m đến 25m) x (8m đến 15m)	Vàng	35.000.000
3	Miếng lưới x chiều cao x chiều dài (dưới 30m) x (dưới 15m) x (dưới 10m)	Vàng	20.000.000
IV	Chụp mực		
1	Đối với tàu có công suất (NE) 60CV < 90 CV/Chiếc		
	Trong đó:		
	Lưới (đơn giá cho 01 vàng lưới)	Vàng	40.000.000
	Chì + Vòng khuyên	Bộ	20.000.000
	Dây rút toàn bộ	Bộ	10.000.000
	Sào (4 cái)	Bộ	20.000.000

TT	Chủng loại, quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
	Tời thu lưới	Chiếc	20.000.000
	Bộ bóng (gồm dây điện, tăng phô, bóng điện)	Bộ	2.000.000
2	Đối với tàu có công suất (NE) 30CV < 60 CV/Chiếc.		
	Trong đó:		
	Lưới (đơn giá cho 01 vàng lưới)	Vàng	25.000.000
	Chì + Vòng khuyên	Bộ	15.000.000
	Dây rút toàn bộ	Bộ	8.000.000
	Sào (4 cái)	Bộ	10.000.000
	Tời thu lưới	Chiếc	12.000.000
	Bộ bóng (gồm dây điện, tăng phô, bóng điện)	Bộ	2.000.000
3	Đối với tàu có công suất (NE) < 30 CV/Chiếc		
	Trong đó:		
	Lưới (đơn giá cho 01 vàng lưới)	Vàng	15.000.000
	Chì + Vòng khuyên	Bộ	8.000.000
	Dây rút toàn bộ	Bộ	3.000.000
	Sào (4 cái)	Bộ	4.000.000
	Bộ bóng (gồm dây điện, tăng phô, bóng điện)	Bộ	2.000.000
	Riêng đối với chụp cá, đơn giá lưới được điều chỉnh hệ số k=1,5		
V	Đạm ruốc: Đối tượng đánh bắt con ruốc/tép moi: Gồm lõi bằng cáp đường kính (d = 20 mm đến 25 mm), xung quanh bọc dây bả và lưới xăm 10 có gắn chì. Chiều dài 15m - 25m.	Chiếc	4.000.000
VI	Câu tay bao gồm: Ống, cần, dây, lưới, ròng rọc, mỗi giá câu mực.	Bộ	50.000
VII	Lưới trử đánh (lưới xăm 10) khai thác thủ công ven bờ. Chiều cao lườn 2m-3m. Dài 20m. (Giã ruốc kéo thủ công).	Vàng	2.000.000
VIII	Đáy (Vó biển) được làm từ sợi dù có mắt lưới khoảng 1cm, gồm có lưới, triêng và dây kéo, diện tích mặt đáy 180m² đến 200m², dây kéo 140m loại 16mm, sào 4 cột, tời (Chưa bao gồm máy nổ và máy phát điện)	Bộ	15.000.000
IX	Cào thủ công khai thác nhuyễn thể (nghêu) gần bờ gồm: khung sắt, lưới đựng sản phẩm.	Cái	1.000.000
X	Lờ dây (bóng bát quái - Trung Quốc).	Chiếc	270.000
XI	Cần câu bằng máy (mua sẵn)	Bộ	1.000.000
PHẦN B: TRANG THIẾT BỊ KHAI THÁC			
1	Bộ đèn soi Mực gồm: 1 dĩa bóng có phản quang, có	Bộ	

TT	Chủng loại, quy cách	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)
	kính che bóng và nước, có 5 - 7 cái bóng bao gồm đuôi, dây điện, có cần đỡ, có công tắc		1.300.000
2	Lồng nuôi mực:		
2.1	Lồng nuôi Mực làm bằng Nhựa	Cái	300.000
2.2	Lồng nuôi Mực làm bằng Tre	Cái	500.000
3	Vợt thu cá, mực, ruốc gồm lưới và vòm làm bằng tre.	Cái	120.000
4	Cờ đánh dấu ngư cụ hoạt động trên biển gồm: cây tre hoặc gỗ, gắn phao hoặc xốp.	Cái	20.000
5	Các loại hộp số (D9, D10...)	Cái	1.600.000
6	Săm lỏi	Cái	300.000
7	Băng chì lặn (1kg)	Kg	65.000
8	Neo lưới làm bằng sắt + dây:		
8.1	Loại 5-7kg:	Bộ	330.000
8.2	Loại 8-15kg:	Bộ	410.000
8.3	Loại 16-30kg:	Bộ	550.000

Ghi chú: Các loại thiết bị phổ biến trên thị trường như máy Colle, máy bộ đàm, la bàn, đèn măng sông, bình ắc quy các loại, bộ sạc ắc quy, đèn chớp, đèn lặn, kính lặn, áo lặn... Hội đồng bồi thường căn cứ vào giá thị trường tại thời điểm để áp dụng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20/10/2018.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các Phó VP/UBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn - VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, XD; 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dặng Ngọc Sơn